

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 28 - 8 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Trà Cheng

2. Ông Nguyễn Hữu Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lò Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo: Lừ Trung H, sinh ngày 07/6/2002 tại xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Lừ Tả V, năm sinh 1979 và bà Giàng Thị M, năm sinh 1984; chưa có vợ con; tiền sự: Chưa; tiền án: Chưa; Nhân thân: Chưa; ngày bị tạm giữ: 18/6/2020, ngày bị tạm giam: 24/6/2020; ngày được cho tại ngoại: Không. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai - Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H, Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Chi nhánh số 1 huyện S thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai bào chữa cho bị cáo Lừ Trung H - Vắng mặt.

- Người bị hại: Anh Giàng A P, năm sinh 1976

Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lừ Tả V, sinh ngày 12/3/1979

Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Giàng A V1, năm sinh 1980

Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Chị Giàng Thị C, năm sinh 1984

Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

3. Anh Giàng A D, năm sinh 1984

Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Chị Lò Thị N, năm sinh 1991

Nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKS-SMC ngày 12/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Lừu Trung H và anh Giàng A P là hàng xóm ở cùng thôn, H thấy anh P có chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, biển số đăng ký 24B2-549.84, H nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 10 giờ ngày 17/6/2020, lợi dụng lúc gia đình anh P đi chợ, H đi sang nhà anh P quan sát xung quanh thấy không có ai ở nhà, cửa nhà vẫn khóa, H lục tìm xung quanh khu vực cửa nhà thì thấy chìa khóa cửa để ở trong chiếc túi vải treo trên tường gần cửa ra vào, H lấy chìa khóa mở cửa vào trong nhà, khi vào trong nhà H thấy chiếc xe mô tô biển số 24B2-549.84 đang dựng ở giữa nhà, H lục tìm và lấy được chìa khóa xe ở trong một hộp giấy treo ở đầu giường gần cửa ra vào, H dắt chiếc xe trên ra ngoài sân rồi khóa cửa lại và để chìa khóa cửa vào chỗ cũ. Sau đó H đi bộ về nhà lấy quần áo và hai chiếc cò lê mà H nhặt được từ trước, mục đích để tháo biển số xe vứt đi rồi đi sang nhà anh P điều khiển xe mô tô trộm cắp được xuống huyện B chơi. Khi đi đến gần trung tâm huyện B, H dừng xe, dùng cò lê tháo biển số xe ném vào cạnh đường và vứt luôn hai chiếc cò lê đi. H tiếp tục điều khiển xe mô tô trộm cắp được vào khu vực công viên N, huyện B chơi, tại đây H đã tháo hai chiếc gương xe mô tô trộm cắp được dấu vào một góc cây trong Công viên. H chơi ở Công viên đến tối thì đi ra Sân vận động huyện B chơi và ngủ qua đêm ở đó. Đến khoảng 05 giờ ngày 18/6/2020, do không có tiền ăn, đói và mệt nên H đi xe mô tô trộm cắp được về huyện S, khi đến thị trấn S sợ bị phát hiện nên H đi vào khu vực bãi đá thuộc tổ dân phố P, thị trấn S ngồi, đến khoảng 17 giờ cùng ngày do đói quá nên H điều khiển xe mô tô trộm cắp được về nhà để ăn cơm. Khi về cách nhà khoảng 1km, H dựng xe cạnh đường rồi đi bộ về nhà thì trời mưa to nên H chui vào Cổng thoát nước ven đường để trú mưa và bị anh P phát hiện báo cho Công an, sau đó anh P và Công an viên xã S đưa H cùng chiếc xe mô tô H đã trộm cắp về Ủy ban nhân dân xã S để làm việc. Quá trình điều tra H khai nhận mục đích trộm cắp xe máy để làm phương tiện đi lại, nếu có người mua sẽ bán lấy tiền tiêu sài.

Tại bản Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 03/KL-ĐGTS ngày 22/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện S kết luận giá trị thực tế tài sản tại thời điểm ngày 22/6/2020 như sau: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu sơn Đen, Biển số đăng ký 24B2-549.84, xe đăng ký ngày 21/02/2019, xe cũ đã qua sử dụng, tổng giá trị theo Hội đồng định giá xác định là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai Quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai để xét xử đối với bị can Lừu Trung H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai đã truy tố.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

+ Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lưu Trung H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm đến 03 năm về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326 của Quốc hội để tuyên án phí đối với bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Cho bị cáo Lưu Trung H mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; về bồi thường thiệt hại thì gia đình bị cáo đã bồi thường xong, nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm. Đồng thời, người bị hại đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh V là bố đẻ của bị cáo, khi anh V đến thăm bị cáo đang bị tạm giam, thì bị cáo đã tác động để anh V đứng ra thỏa thuận bồi thường thiệt hại, ngày 30/7/2020 anh V đã gặp anh P để thỏa thuận bồi thường, anh V đã bồi thường cho anh P số tiền là 200.000 đồng. Do bị cáo ở cùng với anh V, nên anh V không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bồi thường trên cho anh V. Đồng thời, anh V đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của người làm chứng: Anh Giàng A V1 có ý kiến: Vào khoảng tháng 02/2019, anh V1 có mua một xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, biển số đăng ký 24B2-549.84, tên chủ xe Giàng A V1, anh V1 đi đến tháng 11/2019 thì bán cho anh Giàng A P với giá là 35.000.000 đồng, khi bán hai bên không viết giấy tờ mua bán, anh V1 nhận tiền và đưa xe, chìa khóa xe và đăng ký cho anh P;

Chị Giàng Thị C có ý kiến: Khoảng 14 giờ ngày 18/6/2020, chị C đi lên nương thì nhìn thấy chiếc xe mà anh P bị mất ngày 17/6/2020 đang dựng ở ven đường bên trái, sau đó chị C về báo cho anh P biết, anh P đã đi đến và thấy chiếc xe;

Anh Giàng A D có ý kiến: Anh D đang ở nhà, thì anh P có gọi điện và nói là đã tìm thấy chiếc xe của anh P ở trên đường liên xã, nhưng không thấy người lấy xe ở đâu, anh D đáp lại là cứ để yên chiếc xe ở đó, nếu không thấy người thì phải báo Công an xã đến nhận. Sau đó anh D ra chỗ anh P, anh D cúi đầu xuống cống rãnh thoát nước và nói là xe ở đây thì chắc là biển số xe và mũ bảo hiểm để quanh đây, anh D nói xong thì nhìn thấy H chạy từ trong cống ra xuống nương ngô, sau đó anh D và một số người khác bắt được H.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không yêu cầu Toà án giải quyết lại về phần dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và người bào chữa cho bị cáo có ý kiến và có đơn đề nghị Tòa

án xét xử vắng mặt. Tòa án đã ra Thông báo về việc giải quyết đề nghị trước khi mở phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 291, khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, ý kiến của người bào chữa, lời khai của: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người đạt độ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản không trông giữ cẩn thận, nhằm tiếp cận tài sản để thực hiện hành vi lén lút và mong muốn chiếm đoạt được tài sản mà người quản lý tài sản không biết. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh Giàng A P số tiền là 30.000.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai quyết định truy tố bị cáo Lưu Trung H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng và dư luận xấu đến trật tự trị an tại địa phương và trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh và áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

Qua xem xét đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình bị khởi tố điều tra và tại phiên tòa bị cáo Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tài sản riêng, nên đã tích cực tác động, đề nghị cha đẻ bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại bằng một khoản tiền, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; tài sản bị cáo chiếm đoạt gây thiệt hại không lớn và đã thu hồi trả lại cho người bị hại; lần phạm tội này của các bị cáo là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Xét thấy, bị cáo nhất thời phạm tội và đã phải trả giá bằng việc bị bắt tạm giam, thời gian bị tạm giam cũng đủ để cải tạo bị cáo, xác nhận của chính quyền địa phương cho thấy bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án, chưa có tiền sự, trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hoá 8/12 dẫn đến nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã - nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung, việc cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội không gây ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm, phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo. Cần áp dụng khoản 1,2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và tuyên thời gian thử thách đối với bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo trên cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định

buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, bị cáo được trả tự do ngay tại phiên tòa.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung bằng tiền. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp tự do, sống phụ thuộc vào gia đình và không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ hoàn trả tài sản: Nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm, bị cáo không yêu cầu giải quyết lại về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Còn đối với anh V không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền bồi thường cho anh P, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đồng thời, xét thấy anh V không còn liên quan gì đến quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án dân sự và quyền kháng cáo đối với bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của anh V, do vậy Hội đồng xét xử không đưa anh V vào phần quyết định của bản án sơ thẩm với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[5] Việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra tạm giữ của bị cáo 01 xe mô tô, biển số đăng ký 24B2-549.84 là tài sản của người bị hại. Xét thấy, vật chứng đó không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản đó cho người bị hại, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Si Ma Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị cho bị cáo mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là quá nhẹ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 30.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lừu Trung H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về mức hình phạt - Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lừu Trung H 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng, kể từ ngày 28/8/2020. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Lừu Trung H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Đương sự;
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- Người bào chữa;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CQĐT Công an huyện Si Ma Cai;
- CQTHAHS Công an huyện Si Ma Cai (2);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- UBND xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS, THAHS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Tổng Duyệt Toán